

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 28 tháng 8 năm 2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Trung Kiên.
- Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B vào ngày 03/9/2014 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không

thành. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/4/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh B. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh B nuôi dưỡng vì từ trước đến nay anh Ba không chị nuôi cháu B1. Chị nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 02 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện UBND xã P cung cấp như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2014 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Từ khoảng năm 2017 vợ chồng anh Ba k sống cùng nhau, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai bên thì chính quyền địa phương không biết. Vợ chồng anh B có 01 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/4/2015. Hiện nay cháu B1 đang ở cùng với anh B. Chính quyền địa phương không biết về tài sản, công nợ giữa chị S và anh B vì đương sự không trình báo về việc này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/4/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 02 triệu đồng/tháng kể từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành tự lập được. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn B. Sau đó, đại diện Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đã xuống nhà anh B và gặp anh B, tuy nhiên anh B có ý kiến như sau: Việc ly hôn là do chị S, anh không liên quan, anh không làm việc với Tòa án và không ký vào biên bản. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Nguyễn Văn B vào ngày 03/9/2014 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị S chung sống bình thường khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 5/2017 vợ chồng chị S sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị S là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/4/2015, hiện nay con chung đang ở với anh B. Để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị S về việc giao con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chị S nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 02 triệu đồng/tháng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S nộp theo quy định của pháp luật.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị S nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 01/4/2015 (*hiện nay cháu B1 đang ở với anh B*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S về việc chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là **2.000.000** đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S nộp **300.000** đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003956 ngày 28/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S nộp **300.000** đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Phương Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng